

Số: 28/2024/QĐCNTTLH

Yên Sơn, ngày 20 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Trần Thị D và anh Phạm Văn T.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 12 năm 2023 về việc yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia sản chung của vợ chồng khi ly hôn” của chị Trần Thị D;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 20 tháng 3 năm 2024 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- *Người khởi kiện:* Chị **Trần Thị D**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người bị kiện:* Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh tỉnh T**

Địa chỉ: Tổ H, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hà Thành H** – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà **Triệu Hà Ngọc L** – Chức vụ: Phó trưởng phòng phụ trách phòng quản lý nợ.

- Các tài liệu kèm theo biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 20 tháng 3 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 20 tháng 3 năm 2024, cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Phạm Văn T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Phạm Phương T1, sinh ngày 19/3/2016 cho anh Phạm Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao cháu Phạm Hoàng Q, sinh ngày 08/9/2018 cho chị Trần Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

1.3. Về tài sản chung:

- Giao cho anh Phạm Văn T được quyền sử dụng các tài sản sau:

+ Về đất: Diện tích đất 188,5m² (theo kết quả đo đạc thực tế là 201,6m²) tại thửa đất số 271b, tờ bản đồ số 20; mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn; địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 481897, ngày 11/7/2019 mang tên ông Phạm Văn T và bà Trần Thị D. Có sơ đồ mảnh trích đo địa chính thửa đất kèm theo và sơ đồ mảnh trích đo địa chính là một phần không tách rời quyết định, thửa đất được xác định bởi các điểm nối liền liên tục từ 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,1 có các cạnh tiếp giáp cụ thể:

Cạnh phía Đông giáp đường Q, được xác định bởi các điểm nối liền liên tục 4,5.

Cạnh phía Tây giáp rãnh thoát nước, được xác định bởi các điểm nối liền liên tục 11,1.

Cạnh phía Nam giáp đất ông Bùi Quang T2, được xác định bởi các điểm nối liền liên tục 5,6,7,8,9,10,11.

Cạnh phía Bắc giáp đất ông Vũ Ánh D1 và bà Nguyễn Thị D2, được xác định bởi các điểm nối liền liên tục 1,2,3,4.

Anh Phạm Văn T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để chỉnh lý, kê khai xem xét cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản trên đất: Anh Phạm Văn T được quyền sử dụng 01 nhà xây 02 tầng, móng trụ bê tông cốt thép, mái đổ bê tông cốt thép, cầu thang gỗ, nhà có kết cấu gồm: Tầng 01 tường xây 220mm, quét vôi, nền lát gạch men, diện tích 57,5m²; Tầng 02 tường xây 220mm quét vôi, nền lát gạch men, mái lợp tôn sóng, diện tích 15,66m²; Bán mái trước tường xây 220mm, quét vôi, trên lợp tôn sóng, trần thạch cao, nền lát gạch men, diện tích 30,6m²; Mái tôn tầng 02 cột sắt phi 89, mái tôn sóng, nền láng xi măng, diện tích 20,06m².

- Anh Phạm Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho chị Trần Thị D số tiền chênh lệch về tài sản là 1.095.000.000đ (Một tỷ không trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.4. Về nợ chung:

- Anh Phạm Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh tỉnh T toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 20/3/2024 là 1.506.805.479 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 22PT/CN-DB/NHHM086, ngày 27/10/2022; thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 08/4/2024. Ngoài ra anh Phạm Văn T còn phải chịu lãi và các khoản phát sinh khác theo quy định kể từ ngày tiếp theo của ngày 20/3/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên.

Trong trường hợp khi đến hạn trả nợ anh Phạm Văn T không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ theo thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh tỉnh T có quyền căn cứ vào Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 22PT/BDS/086, ngày 27/10/2022 yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 481897, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 11/7/2019 mang tên ông Phạm Văn T và bà Trần Thị D để thu hồi nợ.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Phù Ứng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (Nơi ĐKKH);
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Vũ Mạnh Hồng